

Quan điểm, giải pháp kết nối năng lượng giữa Việt Nam và Úc đến năm 2035, tầm nhìn 2045

ThS. Nguyễn Ngọc Quang; ThS Đàm Thị Ngọc Ánh; ThS Lương Thanh Hải

Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương

Tóm tắt: Việt Nam và Úc thiết lập thiết lập quan hệ Đối tác Chiến lược từ năm 2018. Bằng sự nỗ lực của hai bên, hợp tác về kinh tế, khoa học – công nghệ và các lĩnh vực khác đã có những thành tựu. Trong lĩnh vực năng lượng, bên cạnh những kết quả đáng khích lệ, vẫn còn những dư địa và tiềm năng hợp tác cần khai thác. Bài viết này tập trung đề xuất một số quan điểm, một số giải pháp thúc đẩy kết nối năng lượng giữa Việt Nam và Úc đến năm 2035, tầm nhìn 2045.

Từ khóa: Năng lượng Úc; Kết nối năng lượng; Hợp tác Việt Úc.

1. Bối cảnh phát triển của Úc và tiềm năng hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực công nghiệp, năng lượng và thương mại

Úc là quốc gia có diện tích khoảng **7,69 triệu km²**, đứng thứ sáu thế giới về diện tích lãnh thổ, với dân số khoảng **27 triệu người**. Mặc dù mật độ dân số thấp, Úc sở hữu nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, môi trường chính trị ổn định, thể chế kinh tế thị trường phát triển và năng lực khoa học - công nghệ thuộc nhóm hàng đầu thế giới. Đây là những yếu tố tạo nên lợi thế cạnh tranh nổi bật của Úc trong nền kinh tế toàn cầu và là nền tảng để quốc gia này xây dựng chiến lược phát triển dựa trên đổi mới sáng tạo, khai thác hiệu quả tài nguyên và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong nhiều năm qua, Úc luôn duy trì vị thế là một trong những nền kinh tế phát triển có thu nhập cao với môi trường đầu tư minh bạch, hệ thống pháp luật ổn định và chất lượng quản trị công thuộc nhóm dẫn đầu thế giới. Cơ cấu kinh tế hiện đại, trong đó khu vực dịch vụ đóng vai trò chủ đạo, song các ngành công nghiệp khai khoáng, năng lượng, chế biến nông sản, công nghệ cao và nghiên cứu - phát triển (R&D) vẫn giữ vị trí chiến lược đối với tăng trưởng kinh tế, xuất khẩu và bảo đảm an ninh kinh tế quốc gia. Đặc biệt, Úc sở hữu hệ thống các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp công nghệ có năng lực đổi mới sáng tạo cao, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình thương mại hóa công nghệ và phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng lớn.

Lợi thế nổi bật nhất của Úc là nguồn tài nguyên khoáng sản và năng lượng quy mô lớn. Quốc gia này nằm trong nhóm các nước có trữ lượng hàng đầu thế giới đối với nhiều loại khoáng sản chiến lược như quặng sắt, than đá, khí tự nhiên, lithium, nickel, cobalt và nhiều loại khoáng sản quan trọng khác phục vụ sản xuất pin, xe điện, bán dẫn và công nghệ năng lượng sạch. Chính phủ Úc xác định các khoáng sản chiến lược không chỉ là nguồn lực kinh tế mà còn là tài sản có ý nghĩa đặc biệt đối với khả năng cạnh tranh, an ninh kinh tế và vị thế địa chính trị của quốc gia trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu.

Những lợi thế về tài nguyên kết hợp với trình độ khoa học - công nghệ đã giúp Úc hình thành hệ sinh thái công nghiệp tương đối hoàn chỉnh, từ khai thác tài nguyên, nghiên

cứu công nghệ, sản xuất thiết bị đến cung cấp các dịch vụ kỹ thuật chất lượng cao. Đây là cơ sở quan trọng để Úc chuyển dịch từ mô hình "xuất khẩu tài nguyên thô" sang phát triển các ngành công nghiệp chế biến sâu, công nghiệp xanh và công nghiệp công nghệ cao.

Trong giai đoạn hiện nay, Úc đang từng bước tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng nâng cao giá trị gia tăng của ngành công nghiệp, giảm phụ thuộc vào xuất khẩu nguyên liệu thô và phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao. Chính phủ Úc triển khai Chương trình **Future Made in Australia**, coi đây là định hướng trung tâm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, củng cố khả năng chống chịu của nền kinh tế và xây dựng các chuỗi cung ứng chiến lược trong bối cảnh cạnh tranh địa kinh tế ngày càng gia tăng.

Theo định hướng này, Úc tập trung phát triển một số ngành công nghiệp ưu tiên.

Thứ nhất, công nghiệp năng lượng và chuyển dịch năng lượng. Úc là một trong những quốc gia xuất khẩu than và khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) lớn nhất thế giới, đồng thời đang nổi lên là trung tâm phát triển hydrogen xanh, điện gió ngoài khơi và các công nghệ lưu trữ năng lượng. Bên cạnh vai trò là nhà cung cấp năng lượng truyền thống, Úc đặt mục tiêu trở thành đối tác hàng đầu trong chuỗi giá trị năng lượng sạch toàn cầu thông qua phát triển hydrogen, amoniac xanh, điện tái tạo và các công nghệ giảm phát thải carbon. Điều này mở ra nhiều cơ hội hợp tác với các quốc gia đang thực hiện chuyển dịch năng lượng, trong đó có Việt Nam.

Thứ hai, công nghiệp khoáng sản chiến lược và vật liệu mới. Úc coi khoáng sản chiến lược là ngành công nghiệp ưu tiên nhằm bảo đảm khả năng tự chủ kinh tế và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Thay vì chỉ xuất khẩu khoáng sản, Úc khuyến khích đầu tư vào chế biến sâu, tinh luyện và sản xuất vật liệu phục vụ pin, xe điện, bán dẫn và công nghệ quốc phòng. Chiến lược này được thực hiện thông qua việc phát triển các chuỗi cung ứng đa dạng, bền vững và thiết lập quan hệ đối tác với các nền kinh tế có nhu cầu lớn về nguyên liệu và năng lực sản xuất như Đông Nam Á.

Thứ ba, công nghiệp chế biến nông sản và công nghệ thực phẩm. Với nền nông nghiệp quy mô lớn và trình độ cơ giới hóa cao, Úc có thế mạnh trong công nghệ sau thu hoạch, bảo quản, truy xuất nguồn gốc, chế biến thực phẩm chất lượng cao và quản trị chuỗi cung ứng nông sản. Đây là lĩnh vực có nhiều dư địa hợp tác với Việt Nam nhằm nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế.

Thứ tư, công nghiệp dược phẩm, công nghệ sinh học và thiết bị y tế. Úc sở hữu hệ thống nghiên cứu y sinh tiên tiến, năng lực phát triển dược phẩm, vaccine và thiết bị y tế hiện đại. Chính phủ Úc xác định lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và công nghệ sinh học là một trong những ngành có tiềm năng tăng trưởng cao, đồng thời khuyến khích hợp tác nghiên cứu, đầu tư và chuyển giao công nghệ với các đối tác trong khu vực Đông Nam Á.

Thứ năm, công nghệ số và đổi mới sáng tạo. Úc chú trọng phát triển trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ số, an ninh mạng, dữ liệu lớn, công nghệ tài chính và các nền tảng đổi mới

sáng tạo. Hệ sinh thái doanh nghiệp khởi nghiệp, các trường đại học nghiên cứu và các tổ chức khoa học công nghệ của Úc được đánh giá là những đối tác quan trọng đối với quá trình chuyển đổi số và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của các nước đang phát triển.

Những đặc điểm về điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế và định hướng công nghiệp của Úc cho thấy quốc gia này không chỉ là nhà cung cấp nguyên liệu và năng lượng quan trọng của thế giới mà đang chuyển mạnh sang mô hình phát triển dựa trên công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuỗi giá trị có giá trị gia tăng cao. Sự chuyển dịch này tạo ra nhiều điểm tương đồng với nhu cầu phát triển của Việt Nam trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, chuyển đổi xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh. Vì vậy, Úc không chỉ là đối tác thương mại và đầu tư mà còn là đối tác chiến lược có khả năng hỗ trợ Việt Nam tiếp cận nguồn nguyên liệu chiến lược, công nghệ tiên tiến, tri thức quản trị và các mô hình phát triển bền vững phục vụ mục tiêu phát triển công nghiệp, năng lượng và thương mại đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Thực trạng hợp tác năng lượng giữa Việt Nam và Úc giai đoạn 2015 – 2025

2.1 2.1. Tổng quan về hợp tác năng lượng giữa Việt Nam và Úc

Trong giai đoạn 2015–2025, hợp tác năng lượng đã trở thành một trong những trụ cột phát triển năng động nhất trong quan hệ Việt Nam – Úc, phản ánh sự chuyển dịch từ hợp tác thương mại năng lượng truyền thống sang hợp tác toàn diện về chuyển dịch năng lượng, đổi mới công nghệ và phát triển chuỗi cung ứng năng lượng sạch. Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh thực hiện Quy hoạch điện VIII, cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, Úc ngày càng khẳng định vai trò là một trong những đối tác quan trọng của Việt Nam thông qua hỗ trợ hoàn thiện chính sách, phát triển công nghệ, nâng cao năng lực nguồn nhân lực, thúc đẩy đầu tư và mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực năng lượng mới.

Nếu như giai đoạn trước năm 2015 hợp tác chủ yếu tập trung vào thương mại than và một số hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, thì trong giai đoạn 2015–2025, phạm vi hợp tác đã được mở rộng đáng kể sang các lĩnh vực có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao như khoáng sản chiến lược phục vụ chuyển dịch năng lượng, hydro xanh, điện gió ngoài khơi, hiện đại hóa hệ thống điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, phát triển thị trường điện và xây dựng chính sách phục vụ chuyển dịch năng lượng công bằng. Việc nâng cấp quan hệ hai nước lên Đối tác Chiến lược Toàn diện năm 2024 và thiết lập Cơ chế Đối thoại cấp Bộ trưởng về Năng lượng và Khoáng sản đã tạo nền tảng thể chế mới, đưa hợp tác năng lượng trở thành một trong những lĩnh vực ưu tiên trong quan hệ song phương.

Một đặc điểm nổi bật của hợp tác năng lượng Việt Nam – Úc là sự kết hợp giữa hợp tác cấp Chính phủ với hợp tác giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức khoa học – công nghệ. Bên cạnh các hoạt động thương mại và đầu tư, Úc đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ kỹ thuật và nghiên cứu như Future of Electricity – Vietnam (FE-V), Aus4Innovation, Partnerships for Infrastructure (P4I), cùng các hoạt động của

CSIRO và nhiều cơ sở nghiên cứu, giáo dục đại học của Úc. Các sáng kiến này góp phần tăng cường năng lực hoạch định chính sách, chia sẻ kinh nghiệm về phát triển thị trường điện, tích hợp năng lượng tái tạo, hiện đại hóa hệ thống điện, đổi mới công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quá trình chuyển dịch năng lượng của Việt Nam.

Từ góc độ chiến lược, hợp tác năng lượng giữa Việt Nam và Úc hiện không chỉ hướng tới đáp ứng nhu cầu năng lượng trước mắt mà còn tập trung xây dựng nền tảng hợp tác dài hạn trong các lĩnh vực năng lượng sạch, khoáng sản chiến lược, công nghệ phát thải thấp và phát triển chuỗi cung ứng phục vụ chuyển dịch năng lượng. Sự hỗ trợ giữa lợi thế về tài nguyên, công nghệ, năng lực nghiên cứu của Úc với tiềm năng phát triển công nghiệp, thị trường và nhu cầu chuyển dịch năng lượng của Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi để hai nước mở rộng hợp tác theo hướng cùng phát triển, cùng đổi mới sáng tạo và cùng tham gia các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Đây cũng là nền tảng quan trọng để nâng tầm hợp tác năng lượng trở thành một trụ cột chiến lược của Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt Nam – Úc trong giai đoạn đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050.

2.2. Thực trạng hợp tác năng lượng trong một số lĩnh vực chủ yếu

2.1. Hợp tác hoàn thiện thể chế, chính sách và chuyển dịch năng lượng

Một trong những đặc điểm nổi bật của hợp tác năng lượng giữa Việt Nam và Úc giai đoạn 2015–2025 là sự chuyển dịch từ các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật đơn lẻ sang hợp tác có chiều sâu về hoàn thiện thể chế, xây dựng chính sách và thúc đẩy chuyển dịch năng lượng. Trong bối cảnh Việt Nam triển khai Nghị quyết số 55-NQ/TW, Quy hoạch điện VIII và cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, Úc đã trở thành một trong những đối tác tích cực hỗ trợ Việt Nam nâng cao năng lực hoạch định chính sách, cải thiện môi trường đầu tư và xây dựng các điều kiện nền tảng cho phát triển hệ thống năng lượng bền vững.

Hoạt động hợp tác được triển khai thông qua nhiều khuôn khổ song phương và chương trình hỗ trợ phát triển của Chính phủ Úc, trong đó nổi bật là Chương trình đối tác tăng trưởng kinh tế Việt - Úc - Australia–Vietnam Partnership for Economic Growth (Aus4Growth) và Chương trình đối tác hạ tầng - Partnerships for Infrastructure (P4I). Các chương trình này tập trung hỗ trợ nghiên cứu chính sách, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế, tăng cường năng lực thể chế, thúc đẩy đối thoại chính sách và cải thiện môi trường đầu tư cho các dự án hạ tầng và năng lượng phát thải thấp. Đây là cách tiếp cận phù hợp với xu hướng quốc tế, trong đó cải cách thể chế được xem là điều kiện tiên quyết để huy động nguồn lực đầu tư và nâng cao hiệu quả của quá trình chuyển dịch năng lượng.

Thông qua P4I và các cơ chế hợp tác về chuyển dịch năng lượng, Úc đã hỗ trợ các cơ quan của Việt Nam nghiên cứu những vấn đề liên quan đến quy hoạch hệ thống năng lượng, phát triển thị trường điện, huy động đầu tư tư nhân, tăng cường khả năng tích hợp năng lượng tái tạo vào hệ thống điện và nâng cao năng lực quản lý hạ tầng. Các hoạt động này chủ yếu được thực hiện dưới hình thức tư vấn chính sách, nghiên cứu chuyên đề, đối thoại giữa các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và các tổ chức tài chính phát triển, góp phần chia

sẽ kinh nghiệm quốc tế và hỗ trợ quá trình hoàn thiện khung chính sách cho ngành năng lượng.

Một dấu mốc quan trọng là sau khi Việt Nam và Úc nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược Toàn diện vào tháng 3/2024, hợp tác về năng lượng và khoáng sản được xác định là một trong những lĩnh vực ưu tiên trong quan hệ song phương. Hai bên thống nhất tăng cường hợp tác trong lĩnh vực năng lượng, tài nguyên và khoáng sản; phát triển các chuỗi cung ứng phục vụ chuyển dịch năng lượng; đồng thời thiết lập cơ chế Đối thoại Bộ trưởng về Năng lượng và Khoáng sản nhằm thúc đẩy hợp tác về thương mại, đầu tư, công nghệ và chia sẻ kinh nghiệm quản lý. Cùng với đó, Bộ Công Thương Việt Nam và Bộ Khí hậu, Năng lượng, Môi trường và Nước Australia (DCCEEW) đã ký Biên bản ghi nhớ về hợp tác năng lượng và khoáng sản, tạo khuôn khổ để mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực năng lượng sạch, khoáng sản, công nghệ và phát triển chuỗi giá trị.

Có thể thấy, giá trị nổi bật của hợp tác năng lượng Việt Nam – Úc trong giai đoạn vừa qua không nằm ở quy mô hỗ trợ tài chính mà ở việc góp phần nâng cao chất lượng thể chế và năng lực quản trị ngành năng lượng. Thông qua các chương trình hỗ trợ chính sách và đối thoại cấp cao, Úc đã chia sẻ nhiều kinh nghiệm trong quy hoạch hệ thống năng lượng, phát triển thị trường điện và huy động đầu tư tư nhân, tạo nền tảng để Việt Nam từng bước hoàn thiện môi trường chính sách phục vụ quá trình chuyển dịch năng lượng và phát triển ngành năng lượng theo hướng bền vững.

2.2. Hợp tác nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực năng lượng

Nếu hợp tác về thể chế và chính sách tạo nền tảng cho quá trình chuyển dịch năng lượng, thì nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực là những yếu tố quyết định năng lực làm chủ công nghệ và khả năng tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị năng lượng trong dài hạn. Đây cũng là lĩnh vực mà Úc có nhiều lợi thế và đã triển khai nhiều chương trình hợp tác với Việt Nam trong giai đoạn 2015–2025.

Đối tác tiêu biểu là Tổ chức Nghiên cứu Khoa học và Công nghiệp Úc (CSIRO). Thông qua Aus4Innovation, CSIRO phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cùng nhiều viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp nhằm tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và thương mại hóa kết quả khoa học. Mặc dù Aus4Innovation không phải là chương trình chuyên ngành năng lượng, nhưng nhiều hoạt động của chương trình có ý nghĩa trực tiếp đối với quá trình chuyển dịch năng lượng, đặc biệt trong các lĩnh vực chuyển đổi số, dữ liệu lớn, mô hình hóa hệ thống, tự động hóa và các giải pháp công nghệ phục vụ quản lý hệ thống năng lượng.

Song song với đó, các trường đại học và viện nghiên cứu của Úc cũng tăng cường hợp tác với các đối tác Việt Nam trong nghiên cứu về điện gió ngoài khơi, hydrogen, lưu trữ năng lượng, kinh tế carbon thấp và các công nghệ phát thải thấp. Các hoạt động hợp tác chủ yếu tập trung vào nghiên cứu chung, trao đổi chuyên gia, đào tạo sau đại học, hội thảo

khoa học và chia sẻ kinh nghiệm xây dựng chính sách, qua đó góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu và mở rộng mạng lưới hợp tác khoa học giữa hai nước.

Úc cũng hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực thông qua Aus4Skills, các chương trình học bổng của Chính phủ Úc và nhiều hoạt động đào tạo ngắn hạn dành cho cán bộ quản lý, giảng viên và chuyên gia Việt Nam. Nhiều học viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo đã tham gia vào công tác nghiên cứu, hoạch định chính sách và triển khai các chương trình liên quan đến chuyển dịch năng lượng, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Mặc dù chưa tạo ra nhiều sản phẩm công nghệ thương mại quy mô lớn, hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển nguồn nhân lực giữa hai nước đã góp phần quan trọng nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, tăng cường kết nối giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp, đồng thời chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình phát triển các ngành năng lượng mới của Việt Nam.

2.3. Hợp tác đầu tư và phát triển các ngành năng lượng mới

Bên cạnh hợp tác về chính sách và tăng cường năng lực, giai đoạn 2015–2025 cũng ghi nhận sự mở rộng hợp tác giữa Việt Nam và Úc trong đầu tư, nghiên cứu và phát triển các ngành năng lượng mới. Mặc dù quy mô đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp Úc trong lĩnh vực năng lượng tại Việt Nam chưa lớn so với tiềm năng và so với một số đối tác khác, nhưng phạm vi hợp tác đã có sự chuyển dịch đáng kể, từ các lĩnh vực năng lượng truyền thống sang năng lượng tái tạo, khoáng sản phục vụ chuyển dịch năng lượng và các công nghệ phát thải thấp. Xu hướng này phản ánh sự thay đổi trong định hướng phát triển của cả hai nước, đồng thời phù hợp với các cam kết quốc tế về ứng phó biến đổi khí hậu và mục tiêu phát thải ròng bằng "0".

Hợp tác phát triển năng lượng tái tạo và hạ tầng năng lượng: Trong những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu và đơn vị tư vấn của Úc đã tăng cường tham gia các hoạt động nghiên cứu, khảo sát thị trường, tư vấn kỹ thuật và kết nối đầu tư trong các lĩnh vực điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, hệ thống lưu trữ năng lượng và hạ tầng truyền tải điện. Phần lớn các hoạt động này được triển khai thông qua các diễn đàn hợp tác, chương trình xúc tiến đầu tư và các dự án hỗ trợ kỹ thuật của Chính phủ Úc, góp phần tăng cường trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm và kết nối giữa doanh nghiệp hai nước.

Mặc dù số lượng dự án đầu tư trực tiếp quy mô lớn của doanh nghiệp Úc trong lĩnh vực điện gió ngoài khơi và năng lượng tái tạo tại Việt Nam còn hạn chế, Úc đã tích cực hỗ trợ Việt Nam trong việc chia sẻ kinh nghiệm quốc tế về quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo, tích hợp các nguồn điện biến đổi vào hệ thống điện và xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi cho các dự án hạ tầng năng lượng sạch. Những hoạt động này góp phần tạo nền tảng để thu hút đầu tư từ khu vực tư nhân trong giai đoạn tiếp theo.

Hợp tác trong lĩnh vực hydrogen và các công nghệ phát thải thấp: Hydrogen xanh đang nổi lên như một trong những lĩnh vực hợp tác mới giữa Việt Nam và Úc. Với lợi thế về nguồn năng lượng tái tạo, kinh nghiệm phát triển thị trường hydrogen và năng lực nghiên

cứu công nghệ, Úc đã tăng cường trao đổi với Việt Nam thông qua các diễn đàn chính sách, hội thảo chuyên đề và các hoạt động nghiên cứu nhằm chia sẻ kinh nghiệm xây dựng chiến lược phát triển hydrogen, tiêu chuẩn kỹ thuật, hạ tầng và mô hình thị trường.

Bên cạnh hydrogen, hai nước cũng mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực lưu trữ năng lượng, số hóa hệ thống điện, công nghệ giảm phát thải, thu giữ, sử dụng và lưu trữ carbon (CCUS) và các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Mặc dù phần lớn các hoạt động hợp tác vẫn ở giai đoạn nghiên cứu và tăng cường năng lực, đây là những lĩnh vực có tiềm năng phát triển mạnh trong bối cảnh quá trình chuyển dịch năng lượng toàn cầu đang diễn ra nhanh chóng.

2.4 Liên kết chuỗi cung ứng và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực năng lượng

Một trong những xu hướng nổi bật của hợp tác năng lượng giữa Việt Nam và Úc trong giai đoạn 2015–2025 là sự chuyển dịch từ mô hình hợp tác dựa trên hỗ trợ kỹ thuật và thương mại truyền thống sang định hướng xây dựng các chuỗi giá trị và hệ sinh thái hợp tác phục vụ quá trình chuyển dịch năng lượng. Quá trình này diễn ra trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu đối với năng lượng sạch, khoáng sản quan trọng và các công nghệ phát thải thấp gia tăng nhanh, đồng thời các quốc gia đều quan tâm hơn đến việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng nhằm nâng cao khả năng chống chịu trước các biến động địa chính trị và thị trường.

Hình thành liên kết trong chuỗi cung ứng khoáng sản phục vụ chuyển dịch năng lượng:

Khoáng sản quan trọng đang trở thành một trong những lĩnh vực có tính bổ trợ cao trong quan hệ hợp tác giữa hai nước. Úc là một trong những quốc gia hàng đầu thế giới về khai thác và cung ứng các loại khoáng sản như lithium, nickel, cobalt và đất hiếm; trong khi Việt Nam có tiềm năng đáng kể về đất hiếm, titan, vonfram và đang định hướng phát triển công nghiệp chế biến sâu theo các chiến lược và quy hoạch khoáng sản quốc gia. Sự khác biệt về lợi thế so sánh tạo cơ sở để hai nước mở rộng hợp tác từ khai thác và thương mại nguyên liệu sang chế biến, phát triển vật liệu mới, nâng cao tiêu chuẩn môi trường và xây dựng các chuỗi giá trị có giá trị gia tăng cao phục vụ ngành pin, xe điện và thiết bị năng lượng tái tạo.

Tuy nhiên, đến hết năm 2025, hợp tác trong lĩnh vực này chủ yếu vẫn tập trung ở cấp độ xây dựng khuôn khổ hợp tác, đối thoại chính sách, trao đổi thông tin và xúc tiến đầu tư; chưa hình thành nhiều dự án liên doanh hoặc dự án chế biến sâu quy mô lớn giữa doanh nghiệp hai nước. Điều này cho thấy dư địa hợp tác còn rất lớn, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư, tiêu chuẩn kỹ thuật và cơ chế hợp tác để hiện thực hóa các định hướng đã được thống nhất trong khuôn khổ Đối tác Chiến lược Toàn diện.

Chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo:

Bên cạnh liên kết chuỗi cung ứng, hợp tác về chuyển giao công nghệ giữa Việt Nam và Úc cũng có những chuyển biến tích cực. Khác với mô hình chuyển giao thiết bị đơn

thuần, nhiều chương trình hợp tác trong giai đoạn vừa qua tập trung vào chuyển giao tri thức, chia sẻ kinh nghiệm quản lý, nghiên cứu chung và phát triển năng lực đổi mới sáng tạo. Thông qua các chương trình như Aus4Innovation, Aus4Growth, Partnerships for Infrastructure (P4I) và các hoạt động hợp tác của CSIRO, Úc đã hỗ trợ Việt Nam nâng cao năng lực nghiên cứu, xây dựng chính sách và ứng dụng các công nghệ mới trong quản lý hệ thống năng lượng. Các lĩnh vực hợp tác công nghệ tập trung vào chuyển đổi số trong ngành năng lượng, phân tích dữ liệu, mô hình hóa hệ thống điện, tích hợp năng lượng tái tạo, lưu trữ năng lượng, hydrogen và các giải pháp giảm phát thải. Mặc dù phần lớn các hoạt động này vẫn ở quy mô nghiên cứu, thử nghiệm hoặc hỗ trợ kỹ thuật, nhưng đã góp phần nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của các cơ quan quản lý, viện nghiên cứu và doanh nghiệp Việt Nam, đồng thời tạo tiền đề cho việc triển khai các dự án công nghệ cao trong giai đoạn tiếp theo.

Liên kết giữa Chính phủ, viện nghiên cứu và doanh nghiệp

Một điểm nổi bật khác là sự mở rộng mô hình hợp tác theo hướng gắn kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp. Thông qua các chương trình hợp tác do Chính phủ Úc hỗ trợ, nhiều diễn đàn đối thoại chính sách, hội thảo chuyên ngành, chương trình đào tạo và hoạt động kết nối doanh nghiệp đã được tổ chức, góp phần tăng cường trao đổi thông tin và thúc đẩy hợp tác giữa các chủ thể trong hệ sinh thái năng lượng.

Cách tiếp cận này giúp kết nối hoạt động nghiên cứu với yêu cầu hoạch định chính sách và nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp, qua đó từng bước nâng cao hiệu quả chuyển giao tri thức và tạo điều kiện để các kết quả nghiên cứu được ứng dụng trong quá trình phát triển ngành năng lượng. Đồng thời, đây cũng là nền tảng quan trọng để mở rộng hợp tác nghiên cứu và phát triển (R&D), đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ mới.

2.5 Một số hạn chế

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, liên kết chuỗi cung ứng và chuyển giao công nghệ giữa Việt Nam và Úc trong lĩnh vực năng lượng vẫn còn một số hạn chế.

Thứ nhất, hợp tác giữa doanh nghiệp hai nước trong các chuỗi giá trị năng lượng sạch còn ở giai đoạn đầu, số lượng dự án đầu tư trực tiếp và dự án liên doanh quy mô lớn còn hạn chế. Phần lớn hoạt động hợp tác vẫn tập trung vào hỗ trợ kỹ thuật, nghiên cứu và đối thoại chính sách.

Thứ hai, năng lực hấp thụ và làm chủ công nghệ của một bộ phận doanh nghiệp trong nước còn hạn chế; liên kết giữa doanh nghiệp với viện nghiên cứu và trường đại học chưa thực sự chặt chẽ, làm giảm hiệu quả thương mại hóa các kết quả nghiên cứu.

Thứ ba, khung pháp lý đối với một số ngành năng lượng mới như hydrogen, lưu trữ năng lượng, điện gió ngoài khơi và thị trường carbon vẫn đang trong quá trình hoàn thiện.

Điều này ảnh hưởng đến quyết định đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và làm chậm quá trình hình thành các chuỗi cung ứng mới.

Cuối cùng, cạnh tranh quốc tế trong thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp năng lượng sạch và khoáng sản quan trọng ngày càng gia tăng, đòi hỏi Việt Nam phải tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo để tận dụng hiệu quả các cơ hội hợp tác với Úc.

Nhìn tổng thể, hợp tác năng lượng giữa Việt Nam và Úc giai đoạn 2015–2025 đã có bước chuyển từ hợp tác theo từng chương trình, dự án sang xây dựng nền tảng hợp tác dài hạn về thể chế, khoa học - công nghệ, nguồn nhân lực và kết nối chuỗi giá trị. Giá trị lớn nhất của hợp tác không chỉ nằm ở các khoản hỗ trợ kỹ thuật hay số lượng chương trình được triển khai, mà ở việc tạo dựng các điều kiện cần thiết để Việt Nam nâng cao năng lực quản trị, tiếp cận công nghệ tiên tiến và từng bước tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng năng lượng sạch trong khu vực.

Tuy nhiên, xét trên góc độ hợp tác công nghiệp và đầu tư, mối liên kết giữa doanh nghiệp hai nước trong các chuỗi giá trị năng lượng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của cả hai nền kinh tế. Trong giai đoạn đến năm 2035, cùng với việc triển khai các khuôn khổ hợp tác đã được thiết lập trong Đối tác Chiến lược Toàn diện, ưu tiên cần được đặt vào việc thúc đẩy các dự án đầu tư chung, tăng cường hợp tác nghiên cứu và phát triển (R&D), hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, mở rộng hợp tác về khoáng sản quan trọng, hydrogen, điện gió ngoài khơi, lưu trữ năng lượng và các công nghệ phát thải thấp. Đây sẽ là cơ sở để đưa hợp tác năng lượng Việt Nam – Úc phát triển theo hướng thực chất, bền vững và có giá trị gia tăng cao hơn, đồng thời đóng góp tích cực vào mục tiêu chuyển dịch năng lượng và phát triển công nghiệp xanh của cả hai nước.

3. Quan điểm và một số giải pháp thúc đẩy kết nối năng lượng giữa Việt Nam – Úc

3.1 Quan điểm

Thứ nhất, hợp tác năng lượng Việt Nam và Úc đến năm 2035 bám sát đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế của Việt Nam; gắn chặt với quan điểm “lấy nội lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài, ngoại lực là quan trọng, đột phá”, coi hợp tác với Úc là một trong những kênh quan trọng để bổ sung nguồn lực cho phát triển, nhưng không tạo ra sự phụ thuộc, tổn hại tới lợi ích và cam kết với các đối tác khác.

Thứ hai, hợp tác trong ba lĩnh vực năng lượng được xác định là hợp tác chiến lược, dài hạn, dựa trên nền tảng tin cậy chính trị, Phát huy lợi thế bổ trợ tự nhiên của hai nền kinh tế, phát huy tối đa lợi thế so sánh của mỗi bên,

Thứ ba, chuyển mạnh từ mô hình hợp tác dựa trên các dự án đơn lẻ, thiên về khai thác tài nguyên, sang mô hình liên kết chuỗi giá trị, gắn kết chặt chẽ công nghiệp – năng lượng – thương mại, nâng cao hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng và mức độ lan tỏa vào khu vực doanh nghiệp trong nước.

Thứ tư, hợp tác năng lượng gắn với mục tiêu chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và phát triển bền vững. Các chương trình, dự án mới cần ưu tiên lĩnh vực năng lượng sạch, khí LNG, năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, công nghiệp công nghệ cao, logistics xanh... phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu năng lượng, thực hiện cam kết trung hòa carbon của Việt Nam và mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2050.

Thứ năm, hợp tác phải được thể chế hóa bằng khuôn khổ pháp lý đồng bộ và cơ chế phối hợp hiệu quả giữa Chính phủ - địa phương; giữa doanh nghiệp - viện nghiên cứu - cơ sở giáo dục hai nước, bảo đảm minh bạch, ổn định và khả thi trong điều kiện môi trường địa chính trị, tài chính – thương mại quốc tế biến động mạnh.

Thứ sáu, hợp tác song phương gắn với cam kết đa phương (WTO, CPTPP, RCEP, IPEF...) để tạo thuận lợi cho công nghiệp, năng lượng và thương mại; duy trì an ninh kinh tế khu vực

3.2 Một số giải pháp thúc đẩy kết nối năng lượng giữa Việt Nam – Úc

3.2.1 Hoàn thiện cơ chế điều phối và giám sát thực thi hợp tác Việt Nam – Úc

(1) Thể chế hóa Cơ chế điều phối thực thi Đối tác Chiến lược toàn diện Việt Nam – Úc

Trên cơ sở các cơ chế hợp tác hiện có, đặc biệt là Economic Partnership Meeting và Đối thoại Bộ trưởng về Năng lượng và Khoáng sản, nghiên cứu thiết lập Cơ chế điều phối thực thi Đối tác Chiến lược toàn diện Việt Nam – Úc (Vietnam–Australia Comprehensive Strategic Partnership Implementation Coordination Mechanism).

Đây là cơ chế điều phối liên ngành, không phải một tổ chức hành chính mới, có chức năng:

- điều phối việc triển khai các chương trình hợp tác ưu tiên;
- theo dõi tình hình thực hiện các cam kết song phương;
- tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện;
- đề xuất giải pháp xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét quyết định;
- chuẩn bị nội dung phục vụ các kỳ họp cấp Bộ trưởng.

Bộ Công Thương là đầu mối điều phối phía Việt Nam; phía Úc là cơ quan được Chính phủ Úc phân công phù hợp với từng lĩnh vực hợp tác.

(2) Thành lập các Nhóm công tác thực thi chuyên ngành

Trong khuôn khổ cơ chế điều phối nêu trên, thành lập các Nhóm công tác thực thi chuyên ngành đối với những lĩnh vực hợp tác trọng điểm như:

- công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ;
- năng lượng sạch, hydrogen, điện gió ngoài khơi và khoáng sản quan trọng;
- thương mại, logistics và chuỗi cung ứng;
- chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và công nghệ;
- phát triển nguồn nhân lực và hợp tác nghiên cứu.

Các nhóm công tác hoạt động theo nguyên tắc đồng chủ trì giữa cơ quan đầu mối của hai nước; thành phần tham gia bao gồm đại diện các bộ, ngành liên quan, doanh nghiệp, viện nghiên cứu và, khi cần thiết, đại diện các bang trọng điểm của Úc nhằm tăng cường tính thực chất và khả năng triển khai các chương trình hợp tác.

(3) Thiết lập cơ chế giám sát và đánh giá thực hiện các cam kết

Xây dựng hệ thống theo dõi và giám sát tiến độ thực hiện các chương trình, dự án hợp tác ưu tiên trên nền tảng số phù hợp với điều kiện kỹ thuật của mỗi bên.

Hệ thống cần cập nhật định kỳ các nội dung:

- tiến độ thực hiện từng chương trình hợp tác;
- kết quả đạt được theo bộ chỉ tiêu đánh giá (KPI);
- các khó khăn, vướng mắc cần xử lý;
- kiến nghị của các cơ quan, doanh nghiệp và địa phương.

Kết quả theo dõi được sử dụng làm cơ sở phục vụ các kỳ họp cấp Bộ trưởng, đồng thời hỗ trợ đánh giá hiệu quả thực thi Đối tác Chiến lược Toàn diện.

(4) Thiết lập cơ chế xử lý nhanh đối với các vấn đề liên ngành

Đối với các dự án hợp tác có ý nghĩa chiến lược hoặc các vấn đề phát sinh ảnh hưởng lớn đến doanh nghiệp và nhà đầu tư hai nước, nghiên cứu áp dụng cơ chế trao

đổi, tham vấn và xử lý nhanh giữa các cơ quan đầu mối của hai bên nhằm rút ngắn thời gian giải quyết so với quy trình phối hợp thông thường.

Việc xử lý được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm tuân thủ pháp luật của mỗi nước và các cam kết quốc tế có liên quan.

3.2.2 Xây dựng khuôn khổ Đối tác khí hậu và năng lượng sạch Việt Nam – Úc

Mục tiêu nhằm tăng cường hợp tác trong chuyển dịch năng lượng, giảm phát thải và phát triển các ngành công nghiệp xanh. Cụ thể:

- Tăng cường hợp tác và từng bước tiến tới công nhận tương thích về phương pháp đo lường, báo cáo và thẩm định phát thải carbon (MRV), qua đó hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng các tiêu chuẩn xanh ngày càng cao của thị trường Úc;
- Nghiên cứu triển khai cơ chế thí điểm (sandbox) đối với các dự án điện gió ngoài khơi và lưu trữ năng lượng có sự tham gia của đối tác Việt Nam và Úc, nhằm thử nghiệm các cơ chế mới về mua bán điện trực tiếp (DPPA) và vận hành hệ thống lưu trữ trước khi hoàn thiện khung pháp lý quốc gia;
- Tăng cường trao đổi kinh nghiệm về thị trường carbon, chứng chỉ năng lượng tái tạo và cơ chế huy động tài chính xanh cho các dự án chuyển dịch năng lượng.

Giải pháp này có giá trị chiến lược cao và phù hợp với định hướng Net Zero của Việt Nam cũng như chính sách chuyển dịch năng lượng của Úc. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi trong giai đoạn 2026–2030, nên tiếp cận theo hướng “từng bước tương thích và thí điểm có kiểm soát” thay vì đặt mục tiêu công nhận lẫn nhau toàn diện ngay từ đầu. Cách tiếp cận này giúp Việt Nam tận dụng được công nghệ, vốn và kinh nghiệm của Úc trong phát triển năng lượng sạch, đồng thời giảm thiểu rủi ro thể chế và tạo dư địa cho việc hoàn thiện khung pháp lý quốc gia trong giai đoạn tiếp theo.

3.2.3 Hoàn thiện thể chế và vận hành thị trường điện cạnh tranh

Mục tiêu nhằm nâng cao hiệu quả vận hành thị trường điện và tăng khả năng tích hợp năng lượng tái tạo trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế, trong đó có kinh nghiệm của Úc. Cụ thể:

- Bộ Công Thương phối hợp với các cơ quan quản lý năng lượng của Úc triển khai chương trình trao đổi chuyên gia định kỳ nhằm chia sẻ kinh nghiệm về vận hành thị trường điện cạnh tranh, xác định giá dịch vụ phụ trợ và cơ chế điều chỉnh phụ tải;
- Nghiên cứu triển khai cơ chế thí điểm (sandbox) đối với mua bán điện trực tiếp (DPPA) và các dự án lưu trữ năng lượng tại một số khu công nghiệp và khu kinh tế trọng điểm, cho phép áp dụng một số cơ chế vận hành mới trong phạm vi và thời hạn do cơ quan có thẩm quyền quy định;
- Tận dụng cơ chế Đối thoại Bộ trưởng về Năng lượng và Khoáng sản để tăng cường phối hợp và trao đổi kinh nghiệm, từng bước nâng cao tính tương thích của các tiêu chuẩn kỹ thuật về lưới điện và chứng chỉ năng lượng tái tạo;
- Đẩy mạnh hợp tác về dự báo phụ tải, dự báo nguồn năng lượng tái tạo và điều độ hệ thống điện có tỷ trọng cao nguồn điện biến đổi.

Đây là nhóm giải pháp có tính cấp thiết cao và có thể tạo tác động trực tiếp đến quá trình chuyển dịch năng lượng của Việt Nam trong giai đoạn 2026–2030. So với các dự án đầu tư nguồn điện mới, cải cách thể chế và vận hành thị trường điện có chi phí thấp hơn nhưng khả năng tạo hiệu quả hệ thống lớn hơn, đặc biệt trong việc tích hợp năng lượng tái tạo, thu hút đầu tư tư nhân và nâng cao an ninh năng lượng quốc gia.

3.2.4 Đột phá công nghệ năng lượng mới và hạ tầng lưới điện thông minh

Mục tiêu nhằm chuyển dần từ hợp tác cung ứng nhiên liệu truyền thống sang hợp tác phát triển và ứng dụng công nghệ năng lượng sạch, bao gồm điện gió ngoài khơi, hydro xanh và lưu trữ năng lượng. Cụ thể:

- Tập trung hỗ trợ các dự án điện gió ngoài khơi có sự tham gia của đối tác Việt Nam và Úc tại các khu vực có tiềm năng như Bình Thuận, Hải Phòng và Bà Rịa – Vũng Tàu; đồng thời đẩy nhanh hoàn thiện khung pháp lý về giao khu vực biển và cấp phép khảo sát;

- Thí điểm phát triển các tổ hợp hydro và ammonia xanh tại khu vực Nam Trung Bộ trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm và công nghệ của các đối tác Úc, nhằm chuyển hóa nguồn năng lượng tái tạo thành sản phẩm có khả năng lưu trữ và xuất khẩu;
- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn và các giải pháp lưới điện thông minh để nâng cao năng lực dự báo phụ tải, dự báo nguồn điện tái tạo và tối ưu hóa điều độ hệ thống điện có tỷ trọng cao năng lượng tái tạo biến đổi;
- Khuyến khích hợp tác sản xuất và lắp ráp một số thiết bị phục vụ điện gió ngoài khơi, lưu trữ năng lượng và hệ thống điều khiển lưới điện thông minh tại Việt Nam nhằm từng bước hình thành chuỗi cung ứng nội địa cho ngành năng lượng sạch.

Tài liệu tham khảo

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.
3. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
4. Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
5. Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
6. Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
7. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.
8. Luật Điện lực số 61/2024/QH15 ngày 30/11/2024 (có hiệu lực từ ngày 01/02/2025), thay thế Luật Điện lực năm 2004 và các luật sửa đổi, bổ sung trước đây.
9. Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17/6/2010.
10. Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023–2030.
11. Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII).
12. Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 02/10/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 55-NQ/TW.

13. Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
14. Tuyên bố chung về thiết lập Quan hệ Đối tác Chiến lược Việt Nam – Úc năm 2018.
15. Tuyên bố chung về nâng cấp quan hệ Việt Nam – Australia lên Đối tác Chiến lược Toàn diện ngày 07/3/2024.
16. Chương trình hành động triển khai Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt Nam – Australia giai đoạn 2024–2027 (ký tháng 10/2024).
17. Thông tấn xã Việt Nam. (2024, August 30). *Tăng cường, mở rộng và làm sâu sắc Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt Nam–Australia*. Báo Quân đội nhân dân. <https://www.qdnd.vn/quoc-te/tin-tuc/tang-cuong-mo-rong-va-lam-sau-sac-quan-he-doi-tac-chien-luoc-toan-dien-viet-nam-australia-791725>
18. Australian Bureau of Statistics. (2026). International Trade in Goods, December 2025. Australian Bureau of Statistics.
19. Australian Bureau of Statistics. (2026). International Trade: Supplementary Information, Calendar Year, 2025. Australian Bureau of Statistics.
20. Australian Bureau of Statistics. (2025). International Trade: Supplementary Information, Financial Year 2024–25. Australian Bureau of Statistics.
21. Department of Foreign Affairs and Trade (DFAT). (2022). Australia's Southeast Asia Economic Strategy to 2040. Commonwealth of Australia.